

# QUAN HỆ KINH TẾ VIỆT NAM - TRUNG QUỐC TRONG MỘT THẾ GIỚI ĐẦY BIẾN ĐỘNG: THỰC TRẠNG VÀ CÁC VẤN ĐỀ ĐẶT RA

LÊ XUÂN SANG\*

*Tóm tắt:* Việt Nam và Trung Quốc đang trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế vào khu vực và thế giới. Cả hai nước đã đạt được những thành tựu kinh tế - xã hội rất đáng ghi nhận. Trải qua quá trình nỗ lực hoàn thiện khung chính sách thương mại-dầu tư song phương và đa phương, hai nước đã mở cửa thị trường cho nhau, trở thành đối tác chiến lược và toàn diện của nhau. Trong quá trình cải cách, chuyển đổi, và hội nhập, quan hệ kinh tế giữa hai nước đã ngày càng sâu, rộng, có chuyển biến đáng ghi nhận cả về lượng và chất. Hiện Trung Quốc là đối tác thương mại lớn nhất và là nhà đầu tư lớn thứ 7 của Việt Nam. Tuy nhiên, trong bối cảnh hai nước đang chuyển sang quỹ đạo tăng trưởng mới, cùng mở cửa sâu rộng ra bên ngoài, trong khi chủ nghĩa bảo hộ đang trỗi dậy, nhất là Chiến tranh/Cọ xát Thương mại Mỹ - Trung đang diễn ra phức tạp, thì việc xem xét thực trạng quan hệ kinh tế và các vấn đề nảy sinh, cản trở hai nước phát triển bền vững là cần thiết. Bài viết này đánh giá quan hệ thương mại chính ngạch và đầu tư trực tiếp (FDI) của Trung Quốc vào Việt Nam và các xu hướng, vấn đề đặt ra đối với hai nước trong bối cảnh phát triển mới.

*Từ khóa:* Quan hệ thương mại Việt Nam - Trung Quốc, đầu tư trực tiếp, chiến tranh thương mại, Việt Nam, Trung Quốc

## 1. Quan hệ thương mại Việt Nam - Trung Quốc trong bối cảnh chủ nghĩa bảo hộ trỗi dậy

### 1.1. Thương mại chính ngạch

Từ khi Việt Nam và Trung Quốc bình thường hóa quan hệ đến nay, pháp luật, chính sách thương mại và đầu tư giữa hai nước bắt đầu ngày càng được cải thiện, với việc mở cửa thị trường cho nhau trong khuôn khổ các hiệp định song phương và đa phương. Một thành quả là kim ngạch

thương mại chính ngạch giữa hai bên đã tăng rất rất mạnh, với tổng thương mại Việt - Trung (xuất khẩu + nhập khẩu) của Việt Nam đã tăng từ gần 28 tỷ năm 2010 lên 106 tỷ USD năm 2018. Đáng lưu ý là, ngoại trừ năm 2001, Trung Quốc luôn có thặng dư thương mại với Việt Nam kể từ năm 1991 đến nay, trung bình mỗi năm xấp xỉ 20 tỷ trong giai đoạn 2010-2018 (Bảng 1).

\* TS. Viện Kinh tế Việt Nam



**Bảng 1: Diễn biến thương mại chính ngạch Việt Nam -Trung Quốc (năm 2010 đến 6 tháng 2019)**

Đơn vị: Tỷ USD

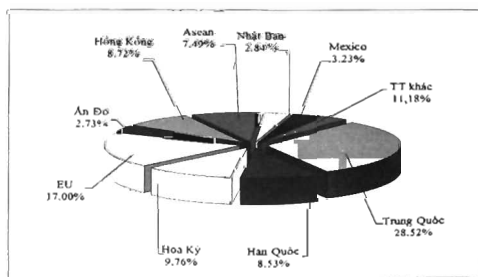
	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	6 tháng năm 2019
Xuất khẩu	7,7	11,6	12,3	13,1	14,9	17,1	21,8	35,5	41,1	16,7
Nhập khẩu	20,2	24,8	28,7	36,8	43,7	49,4	49,7	58,2	64,9	35,7
Cân cân thương mại	-12,5	-13,2	-16,4	-23,7	-28,8	-32,3	-27,9	-22,7	-23,8	-19
Tổng thương mại	27,9	36,4	41	49,9	58,6	66,5	71,5	93,7	106,0	52,4

*Nguồn:* Tác giả tổng hợp từ nhiều nguồn khác nhau.

Trung Quốc hiện là đối tác lớn nhất của Việt Nam cả về thương mại nói chung (xuất, nhập khẩu) và nhập khẩu nói riêng. Nước này cũng là thị trường xuất khẩu lớn nhất của nhiều mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam. Riêng trong năm 2018, Trung Quốc là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam về gạo (683 triệu USD), rau quả (2,78 tỷ USD), cao

su, và sắn (844,3 triệu USD), xơ, sợi (2,22 tỷ USD); máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (đạt 8,36 tỷ USD, chiếm 28,52% kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng) (Hình 1); thứ 2 về cá tra (483,6 triệu USD), dày dếp (1,49 tỷ USD); đứng thứ 3 về hạt điều và thù sắn (dệt may thứ 2 năm 2017, 3,4 tỷ).

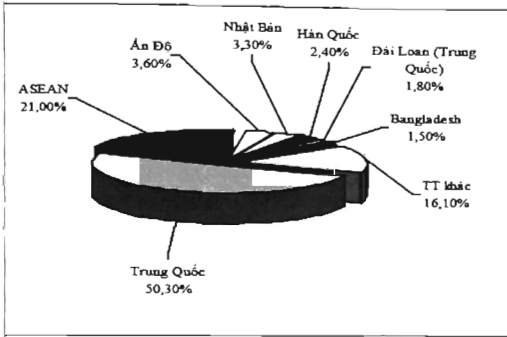
**Hình 1: Cơ cấu thị trường máy tính và linh kiện điện tử xuất khẩu năm 2018**



*Nguồn:* Bộ Công Thương.

Bên cạnh đó, xuất khẩu nguyên liệu nhựa sang Trung Quốc chiếm tới hơn 50% của Việt Nam (Hình 2), trị giá 469,57 triệu USD, tăng mạnh 133,3% về lượng và 161,6% về trị giá.

Hình 2: Thị trường xuất khẩu nguyên liệu nhựa của Việt Nam năm 2018



Nguồn: Bộ Công Thương

Ngoài ra, Trung Quốc cũng là thị trường xuất khẩu *khẩu quặng và khoáng sản khác lớn nhất của Việt Nam*, tuy nhỏ 72 triệu USD, song chiếm tới gần 40%.

Đối với nhập khẩu, Trung Quốc là thị trường cung cấp xơ, sợi lớn nhất cho Việt Nam, đạt 1,223 tỷ USD, chiếm tới 51% tổng nhập khẩu, vải (7,1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 58,02%), thép (4.5 tỷ USD, chiếm 46,3%), linh kiện phụ tùng ô tô (31,7%).

### 1.2. Một số xu hướng đáng lưu ý

Trong gần 30 năm bình thường hóa quan hệ, cùng với những thay đổi rất lớn về lượng thì cơ cấu hàng hóa xuất nhập

khẩu hàng hóa Việt Nam - Trung Quốc cũng dần được cải thiện theo hướng thể hiện trình độ phát triển kinh tế của Việt Nam.

Thứ nhất, cơ cấu hàng xuất khẩu đã chuyển dần từ chủ yếu hàng nguyên liệu thô, khai khoáng (than, dầu thô,...), sơ chế (gỗ nguyên liệu, cao su), thâm dụng lao động (dệt may) đã chuyển mạnh sang xuất hàng công nghiệp chế biến, công nghệ cao. Đặc biệt, xuất khẩu than, dầu thô từ chiếm tương ứng 24% và 8,55% năm 2007 đã giảm mạnh xuống chỉ còn 0,03% và 2,3% năm 2017 (Bảng 2).

**Bảng 1: Diễn biến thương mại chính ngạch Việt Nam -Trung Quốc (năm 2010 đến 6 tháng 2019)**

Đơn vị Tỷ USD

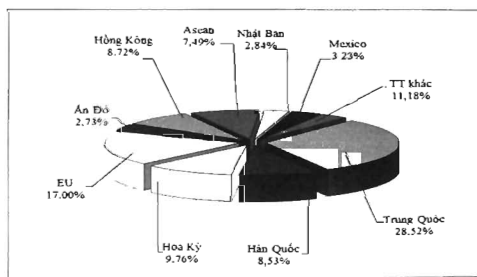
	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	6 tháng năm 2019
Xuất khẩu	7,7	11,6	12,3	13,1	14,9	17,1	21,8	35,5	41,1	16,7
Nhập khẩu	20,2	24,8	28,7	36,8	43,7	49,4	49,7	58,2	64,9	35,7
Cán cân thương mại	-12,5	-13,2	-16,4	-23,7	-28,8	-32,3	-27,9	-22,7	-23,8	-19
Tổng thương mại	27,9	36,4	41	49,9	58,6	66,5	71,5	93,7	106,0	52,4

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ nhiều nguồn khác nhau.

Trung Quốc hiện là đối tác lớn nhất của Việt Nam cả về thương mại nói chung (xuất, nhập khẩu) và nhập khẩu nói riêng. Nước này cũng là thị trường xuất khẩu lớn nhất của nhiều mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam. Riêng trong năm 2018, Trung Quốc là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam về gạo (683 triệu USD), rau quả (2,78 tỷ USD), cao

su, và sắn (844,3 triệu USD), xơ, sợi (2,22 tỷ USD); máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (đạt 8,36 tỷ USD, chiếm 28,52% kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng) (Hình 1); thứ 2 về cá tra (483,6 triệu USD), dây dáp (1,49 tỷ USD); đứng thứ 3 về hạt điều và thủy sản (đệt may thứ 2 năm 2017, 3,4 tỷ).

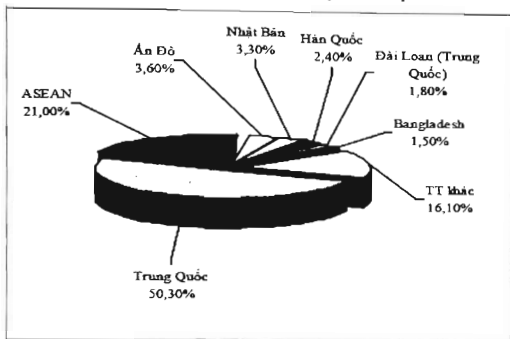
**Hình 1: Cơ cấu thị trường máy tính và linh kiện điện tử xuất khẩu năm 2018**



Nguồn: Bộ Công Thương.

Bên cạnh đó, xuất khẩu nguyên liệu nhựa sang Trung Quốc chiếm tới hơn 50% của Việt Nam (Hình 2), trị giá 469,57 triệu USD, tăng mạnh 133,3% về lượng và 161,6% về trị giá.

Hình 2: Thị trường xuất khẩu nguyên liệu nhựa của Việt Nam năm 2018



Nguồn: Bộ Công Thương.

Ngoài ra, Trung Quốc cũng là thị trường xuất khẩu *khẩu quặng và khoáng sản khác lớn nhất của Việt Nam, tuy nhỏ 72 triệu USD, song chiếm tới gần 40%*

Đối với nhập khẩu, Trung Quốc là thị trường cung cấp xơ, sợi lớn nhất cho Việt Nam, đạt 1,223 tỷ USD, chiếm tới 51% tổng nhập khẩu, vải (7,1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 58,02%), thép (4,5 tỷ USD, chiếm 46.3%), linh kiện phụ tùng ô tô (31,7%).

### 1.2. Một số xu hướng đáng lưu ý

Trong gần 30 năm bình thường hóa quan hệ, cùng với những thay đổi rất lớn về lượng thì cơ cấu hàng hóa xuất nhập

khẩu hàng hóa Việt Nam - Trung Quốc cũng dần được cải thiện theo hướng thể hiện trình độ phát triển kinh tế của Việt Nam.

Thứ nhất, cơ cấu hàng xuất khẩu đã chuyển dần từ chủ yếu hàng nguyên liệu thô, khai khoáng (than, dầu thô,...), sơ chế (gỗ nguyên liệu, cao su), thâm dụng lao động (dệt may) đã chuyển mạnh sang xuất hàng công nghiệp chế biến, công nghệ cao. Đặc biệt, xuất khẩu than, dầu thô từ chiếm tương ứng 24% và 8,55% năm 2007 đã giảm mạnh xuống chỉ còn 0.03% và 2.3% năm 2017 (Bảng 2).

**Bảng 2: Tỷ trọng xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc các mặt hàng sơ chế, thâm dụng lao động (Mã SH 92)**

Đơn vị: %

	Dầu thô	Than (Bánh)	Dệt may - da giày	Gỗ nhiên liệu	Cao su	Gạo
2017	2,3	0,03	2,2	1,6	0,47	2,4
2016	5,1	0,08	2,4	2,1	0,83	2,5
2015	4,4	0,2	2,0	3,2	1,3	4,1
2014	7	1,9	1,2	3,2	2,9	4,2
2012	5,9	7,6	0,72	3	5,7	5,6
2010	5,8	17	0,72	4,6	5,4	0,53
2008	10,0	23	0,7	3,0	2,6	0,09
2007	8,55	24	0,41	2,4	5,9	0,32

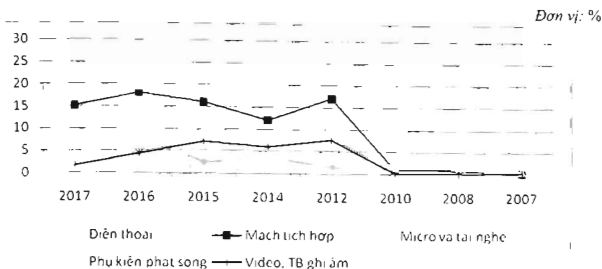
Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ OEC.

Hai là, tỷ trọng xuất khẩu các mặt hàng công nghiệp chế biến, công nghệ cao sang Trung Quốc đã tăng rất mạnh, nhất là mạch tích hợp, điện thoại, micro và tai nghe (Hình 3). Xu thế 1 và 2 thể hiện về mặt cấu trúc kinh tế/xuất khẩu, trong tương quan với Trung Quốc, trong chừng mực đáng kể. Việt Nam đã nâng cấp khá nhanh từ vị thế nền kinh tế kém phát triển sang vị thế cao hơn và bước đầu cạnh tranh với Trung Quốc. Điều này có thể chủ yếu nhờ các doanh nghiệp FDI, nhất là các tập đoàn lớn (nhất là Samsung Vietnam) điều chỉnh nguồn lực trong chuỗi cung ứng trong khu vực của mình. Điều này cũng thể hiện lợi thế về nhân công rẻ hơn của Việt Nam so với Trung Quốc đã giúp thu hút đầu tư các ngành thâm dụng lao động như điện tử, vi tính vào các ngành này. Nguyên nhân sâu

xa của xu hướng này cần nghiên cứu chuyên sâu.

Ba là, có hai xu hướng khác nhau trong nhập khẩu hàng công nghệ chế biến, công nghệ cao từ Trung Quốc. Tỷ trọng nhập khẩu ngày càng cao một số mặt hàng như điện thoại, màn hình LCD, pin, mạch tích hợp, micro và tai nghe; trong khi đó, tỷ trọng hàng nhập khẩu như máy tính, thiết bị phát sóng lại ngày càng giảm (Bảng 3). Xu hướng tăng một số mặt hàng cùng nhóm chung loại (Mã SH 92) có thể do liên quan đến chuyển dịch nội ngành của các doanh nghiệp FDI hay do việc khai thác các lợi thế so sánh của Việt Nam. Tuy nhiên, cũng như xu thế giảm nhập khẩu 2 mặt hàng khác, nguyên nhân đích thực của sự dịch chuyển trong các nhóm hàng này chưa thực sự rõ.

Hình 3: Tỷ trọng xuất khẩu các mặt hàng công nghiệp chế biến, công nghệ cao sang Trung Quốc, 2007-2017



Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ OEC.

Bảng 3: Tỷ trọng nhập khẩu các mặt hàng công nghệ chế biến, công nghệ cao từ Trung Quốc

Đơn vị: %

	Điện thoại	Mạch tích hợp	Thiết bị phát sóng	Màn hình LCD	Pin điện	Máy tính	Micro và tai nghe
2017	9,2	5,7	1,8	1,7	1	0,54	1
2016	6,5	2,3	0,9	2,2	1,2	0,82	0,97
2015	11	1,9	2,1	0,88	0,97	1,6	1,1
2014	11	1,9	2,2	0,77	0,04	2	0,99
2012	8,6	2,6	2,1	0,06	0,96	2,4	1,4
2010	4,1	0,77	4,1	0,55	0,28	3	0,83
2008	2,7	0,11	3,4	0,3	0,22	1,2	0,28
2007	1,2	0,011	4,2	0,11	0,11	0,96	0,35

Nguồn: Tổng hợp từ OEC.

Bốn là, tỷ trọng nhập khẩu các mặt hàng nguyên liệu đầu vào sản xuất, trồng trọt từ Trung quốc có xu hướng giảm rất rõ rệt, nhất là các loại thép và phân bón (Bảng 4). Xu hướng này thể hiện năng

lực sản xuất và cạnh tranh của các doanh nghiệp ở Việt Nam đã được cải thiện, cả doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp Việt Nam.

**Bảng 4. Tỷ trọng nhập khẩu các mặt hàng nguyên liệu đầu vào sản xuất, trồng trọt từ Trung Quốc**

Đơn vị: %

	Thép cuộn nóng	Phân đạm	Phân tổng hợp
2017	0,11	0,15	0,45
2016	0,11	0,21	0,55
2015	0,13	0,48	0,87
2014	0,23	0,42	0,83
2012	0,25	1,3	1,1
2010	3,1	1,3	1,4
2008	6,6	1,8	2,2
2007	7,2	1,6	2,7

Nguồn: Tổng hợp từ OEC

Tóm lại, cấu trúc thương mại xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Trung Quốc thể hiện sự nâng cấp công nghiệp đáng kể của Việt Nam, tuy nhiên, sự nâng cấp còn dẫn dắt bởi những lợi thế so sánh của Việt Nam và điều chỉnh chiến lược nội ngành của bản thân các doanh nghiệp FDI, nhất là các công ty đa quốc gia.

## 2. Quan hệ đầu tư Việt Nam - Trung Quốc

Việt Nam, với nhiều lợi thế so sánh, địa kinh tế và ưu đãi đầu tư, là địa điểm thu hút FDI ngày càng hấp dẫn, trong đó có FDI từ Trung Quốc, nhất là trong vài ba năm gần đây. Số lượng vốn đăng ký và thực hiện FDI, nhất là từ Đông Á, đã tăng mạnh và lớn nhất ở Việt Nam. Ba nhà đầu tư lớn nhất ở Việt Nam trong thời gian dài lần lượt là Hàn Quốc, Nhật Bản và Singapore.

Nhìn chung, tuy là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam, song về FDI, Trung Quốc không thuộc Top 5 ở Việt Nam. Tổng vốn đăng ký lũy kế các dự án còn hiệu lực đến nay chỉ khoảng 15,4 tỷ USD (Bảng 5), thấp hơn nhiều so với mức khoảng 63 tỷ USD năm 2018 của Hàn Quốc và 57 tỷ USD của Nhật Bản. Lâu nay, tổng vốn đăng ký của Trung Quốc chỉ đứng trong Top 10 ở Việt Nam, gần đây đứng thứ 7, mặc dù đã có những bước chuyển nhanh trong 6 tháng đầu năm 2019, chủ yếu dưới tác động của Chiến tranh Thương mại Mỹ - Trung.

**Bảng 5. Vốn đầu tư trực tiếp lũy kế của Trung Quốc còn hiệu lực và đăng ký mới Việt Nam và xếp hạng theo thời kỳ, 2017-6/2019**

Đơn vị: Tỷ USD

20/12/2017	20/6/2018	20/9/2018	20/12/2018	20/3/2019	20/6/2019
12,1 (8)	12,5(7)	12,7(7)	13,3(7)	14,2(7)	15,4(7)
4 quý 2017	QI+II-18	QIII-18	Q IV-18	QI-19	QII-19
2,2(4)	0,83(6)	0,54(6)	1,1(5)	1,00(4)	1,3(3)

Nguồn: FIA; số trong ngoặc là xếp hạng tại thời điểm đăng ký



Dưới tác động của Chiến tranh thương mại, từ đầu năm 2019, các luồng vốn FDI từ Trung Quốc mới bắt đầu tăng mạnh, thông qua đăng ký mới, tăng tới gần 1,68 tỷ chỉ trong 6 tháng. Tuy vậy, tổng vốn đầu tư Trung Quốc vẫn chỉ xếp thứ 3, sau Hồng Kông và Hàn Quốc (Bảng 6).

Theo lĩnh vực đầu tư, năm 2016, Trung Quốc đầu tư nhiều nhất vào ngành

điện, nước (5,544 tỷ USD), tiếp đến là bất động sản (2,324 tỷ USD), xây dựng (665 triệu USD), thương mại (470 triệu USD) và xây lắp (307 triệu USD).

Đáng lưu ý là các dự án điện, nước chủ yếu được thực hiện dưới hình thức Tổng thầu (EPC), với nguồn vốn điện than của Trung Quốc chiếm 50%.

Bảng 6: Các chỉ tiêu FDI của 10 nhà đầu tư lớn nhất ở Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2019

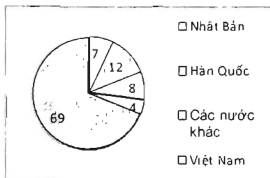
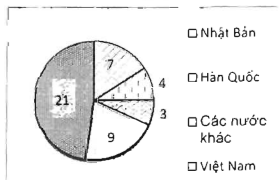
Đối tác	Số dự án cấp mới	Vốn đăng ký cấp mới (triệu USD)	Vốn đăng ký tăng thêm (triệu USD)	Giá trị góp vốn, mua cổ phần (triệu USD)	Tổng vốn đăng ký (triệu USD)
Hồng Kông	134	920,75	353,25	4.03,07	5.304,08
Hàn Quốc	490	1.239,20	527,09	964,79	2.731,08
Trung Quốc	303	1.676,83	200,03	408,76	2.285,63
Singapore	118	858,03	406,98	934,36	2.199,37
Nhật Bản	219	971,96	600,79	377,49	1.950,24
Đài Loan	71	311,83	203,48	268,09	783,40
British Virginis lands	23	312,83	88,02	373,45	774,30
Thái Lan	18	347,86	47,99	93,38	489,23
Samoa	27	167,52	111,33	66,62	345,46
Hoa Kỳ	57	121,26	55,94	56,28	233,48

Nguồn: FIA

Hình 4: Sự tham gia của Trung Quốc vào các dự án EPC ngành Điện than năm 2017

4.a Các nhà máy điện theo quốc gia của tổng thầu

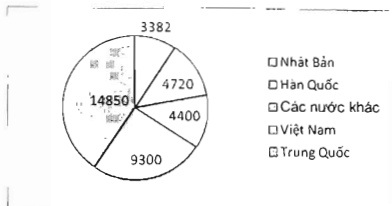
4.b Tổng giá trị hợp đồng EPC theo quốc gia của tổng thầu



Nguồn: Green ID (VEPR tổng hợp).

Tuy nhiên, xét về tổng năng lượng của dự án EPC thì Trung Quốc chỉ tạo ra 14.850 MW ở Việt Nam trong lĩnh vực điện than (Hình 5).

Hình 5. Đóng góp vào tổng công suất điện của Việt Nam theo quốc gia của tổng thầu EPC, MW, 2018



Nguồn: VEPR (2019).

### 3. Một số vấn đề đặt ra

#### 3.1. Tác động của Chiến tranh thương mại

Chiến tranh thương mại bắt đầu diễn ra từ giữa năm 2018 đã có ảnh hưởng tới quan hệ thương mại và đầu tư giữa 2 nước Việt Nam - Trung Quốc và kinh tế của từng nước. Ngoài những tác động làm tăng mạnh vốn đăng ký FDI Trung Quốc tại Việt Nam như đã phân tích ở trên, Chiến tranh thương mại đã bắt đầu tác động tương đối rõ, nhất là từ đầu năm 2019 đến nay. Chiến tranh thương mại là nhân tố quan trọng đã làm tăng nhập khẩu từ Trung Quốc lên gần 81% trong 5 tháng 2019 so với mức tăng 2% cùng thời kỳ năm 2018. Tương tự, dây điện và dây cáp điện đã tăng tương ứng gần 44% so với mức giảm 4% năm 2018. Các sản phẩm chịu tác động còn bao gồm gỗ và

sản phẩm gỗ; Chất dẻo và nguyên liệu,... Một số sản phẩm chuyển biến theo chiều ngược lại. Tuy nhiên tác động thực sự từ Chiến tranh thương mại lên từng sản phẩm cần có đánh giá chuyên sâu và chi tiết hơn (xem Hình 6).

Cuộc chiến cũng tác động, với các mức độ khác nhau, lên xuất khẩu của Việt Nam và Trung Quốc sang Mỹ. Theo Cục Thống kê Mỹ, xuất khẩu của Việt Nam đối với một số mặt hàng đã tăng đáng kể, nhất là điện thoại (gần 4 điểm %), sản phẩm gỗ và giày dép (gần 2 điểm %); sợi dệt, đồ gỗ và cá cũng tăng đáng kể. Trong khi đó, các mặt hàng tương ứng xuất khẩu của Trung Quốc lại bị giảm (xem Hình 7).

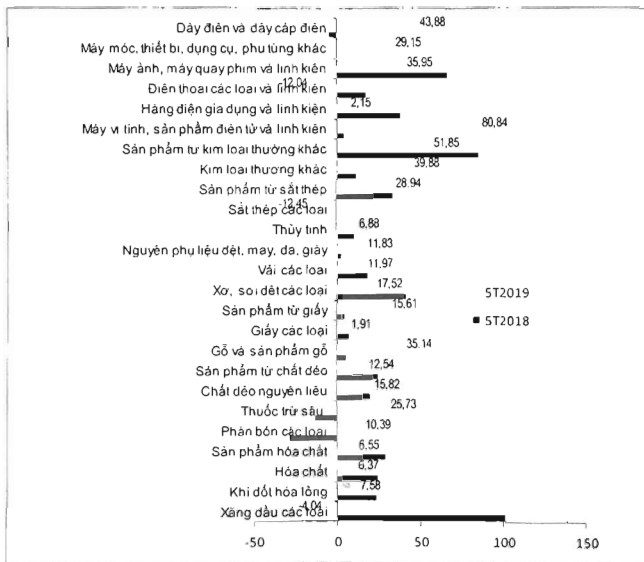
Một tác động tương đối rõ nét của Chiến tranh thương mại lên đầu tư là có sự dịch chuyển đáng kể nguồn đầu tư của các doanh nghiệp FDI đang hoạt động từ

Trung Quốc sang các nước lân cận trong đó có Việt Nam. Theo nghiên cứu của Nikkei Asian Review (2019), trong suốt hơn 1 năm Chiến tranh thương mại diễn ra, hơn 50 công ty nước ngoài, bao gồm cả Apple và Nintendo, đều đã tuyên bố hoặc đang xem xét chuyển dây chuyền sản xuất ra khỏi Trung Quốc. Không chỉ Mỹ, các công ty Nhật Bản hay Đài Loan

(Trung Quốc) cũng có động thái tương tự. Thậm chí, các nhà sản xuất của chính Trung Quốc cũng tham gia vào dòng “di tản” này. Một số công ty có ý định chuyển bao gồm Pegatron (Đài Loan, Trung Quốc), Sketchers (Mỹ), Dell (sang Việt Nam hoặc Phillipin), Misuba (Nhật Bản),...

Hình 6: Tăng trưởng nhập khẩu từ Trung Quốc vào Việt Nam

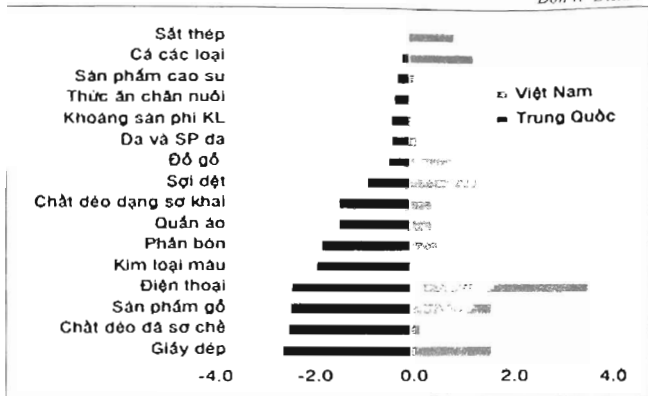
Đơn vị: Điểm %



Nguồn: NCIF, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (MPI).

Hình 7. Tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam và Trung Quốc vào Mỹ.  
(7/2018-3/2019 đến 7/2017-3/2018)

Đơn vị: Điểm %



Nguồn: NCIF-MPI (2019) từ Cục Thống kê Mỹ.

Lưu ý là việc Việt Nam đã tham gia 2 hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới (CPTPP và VEFTA) cũng giúp tạo cú hích mạnh hơn cho làn sóng FDI vào Việt Nam.

Một hậu quả của việc Chiến tranh thương mại là một số doanh nghiệp Trung Quốc/Việt Nam đã thay đổi xuất xứ hàng hóa để xuất khẩu sang Mỹ. Sự việc này Mỹ đã cảnh báo và đe dọa Việt Nam. Với việc Việt Nam đã có 2 tiêu chí có thể bị quy kết là quốc gia thao túng tiền tệ thì nguy cơ Việt Nam bị Mỹ trừng phạt hay 'vạ lây' là rất cao. Điều này đòi

hỏi Việt Nam và Trung Quốc phải có sự hợp tác hữu hiệu và chuẩn bị chu đáo nhằm phòng, tránh nguy cơ này<sup>(1)</sup>.

### 3.2. Vấn đề tiếp cận thị trường nông sản

Gần đây, nhất là năm 2018, xuất khẩu nông sản, thủy sản sang Trung Quốc bắt đầu giảm đáng kể, giảm 5.5% so với năm 2017 với các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn đều ghi nhận sụt giảm như: gạo (giảm tới 33,4%), thủy sản, cao su, sản, hạt điều. Trong khi xuất khẩu gạo của Việt Nam sang các thị trường châu Á tăng rất mạnh (ngoại trừ Singapore)

(Bảng 7), thì việc giảm xuất khẩu gạo tiêu chuẩn, kỹ thuật mới đối với hàng sang Trung Quốc là đáng lưu tâm. Một nguyên nhân là Trung Quốc áp dụng các tiêu chuẩn, kỹ thuật mới đối với hàng nông, thủy sản Việt Nam trong khi khâu chuẩn bị trước chưa chu đáo.

Bảng 7: Thị trường xuất khẩu gạo Việt Nam (2017 – 2018)

Thị trường	Xuất khẩu 2017 (USD)	Xuất khẩu 2018 (USD)	Thay đổi (%)
Trung Quốc	1.026.354.579	683.363.161	-33,4
Philippines	222.577.095	459.524.321	106,5
Indonesia	5.883.407	362.663.037	6.064,2
Malaysia	210.154.683	217.755.470	3,6
Gana	202.440.880	214.141.870	5,8
Iran	86.916.049	168.660.000	94,0
Bờ biển Ngà	102.511.578	156.570.930	52,7
Hồng Kông (Trung Quốc)	30.925.294	50.609.187	63,6
Singapore	52.919.389	46.662.094	-11,8

Nguồn: Cục Xuất nhập khẩu Bộ Công thương.

Trong bối cảnh Trung Quốc cấm nhập khẩu nông, thủy sản thuộc Danh mục cấm từ Mỹ và giảm thuế nhập khẩu cho các đối tác thương mại khác của Trung Quốc, việc tăng cường hợp tác, trao đổi thông tin, chính sách và cơ chế thương mại giữa 2 bên để hàng nông sản, thủy sản Việt Nam tiếp cận thuận lợi hơn được chuẩn bị kỹ hơn là rất đáng quan tâm để doanh nghiệp và nông sản Việt Nam tiếp cận thuận lợi hơn nữa thị trường Trung Quốc và Trung Quốc chịu ít tác động tiêu cực hơn từ trả đũa trong Chiến tranh thương mại - vốn chưa biết bao giờ mới kết thúc và hậu quả đến đâu.

### 3.3. Nâng cao hiệu quả đầu tư và uy tín của một số doanh nghiệp Trung Quốc ở Việt Nam

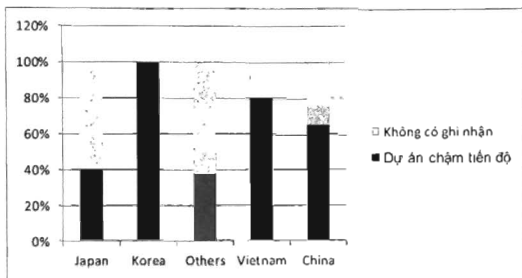
Với sự hiện diện ngày càng rộng hơn của doanh nghiệp Trung Quốc ở Việt Nam, nhất là những ngành mà Trung Quốc có thế mạnh, cùng với sự siết chặt chế tài pháp luật về đầu tư và bảo vệ môi trường, cũng như gia tăng tình khốc liệt của cạnh tranh trong môi trường đầu tư – kinh doanh (nhất là khi Việt Nam thực hiện 2 FTA thế hệ mới), việc nâng cao hiệu quả đầu tư và uy tín của một số doanh nghiệp Trung Quốc là mang tính sống còn.

Đánh giá gần đây của VEPR (2019) cho thấy, trong các nhà đầu tư các công trình EPC ở Việt Nam, nhà đầu tư Trung Quốc thường chậm tiến độ thứ 2 (sau

Việt Nam). Việc chậm tiến độ do nhiều nguyên nhân, tuy nhiên yếu tố chủ quan (từ phía nhà thầu/doanh nghiệp) vẫn thường mang tính quyết định.

Hình 8. Mức độ chậm tiến độ trong các dự án EPC của các nhà thầu

Đơn vị: %



Nguồn: VEPR, 2019.

Vấn đề cũng tương tự đối với vấn đề ô nhiễm môi trường, nghiên cứu này cũng cho thấy, trong số 30 nhà máy điện than đang vận hành, có tới 19 nhà máy hay 63,3% số nhà máy có các phân ảnh về vấn đề môi trường, với các cấp độ khác nhau. Trong bối cảnh Việt Nam thực hiện 2 Hiệp định FTA thế hệ mới, trong đó có quy định chặt chẽ về bảo vệ môi trường, bảo vệ người lao động, nâng cao chất lượng đầu thầu và cho các doanh nghiệp EU và thành viên CPTPP tham gia đấu thầu,... thì những doanh nghiệp Việt Nam và Trung Quốc yếu kém về năng lực và uy tín, khả năng tài chính chịu áp

lực bị loại khỏi thị trường Việt Nam càng trở nên hiện hữu, đòi hỏi sự quan tâm đúng mức của cả hai nước, nhất là Trung Quốc.

#### 4. Kết luận

Quan hệ kinh tế Việt Nam và Trung Quốc ngày càng được mở rộng, với các kết quả đạt được được cải thiện cả lượng và chất. Trong quá trình hai nước hội nhập thương mại, mở cửa thị trường thương mại và đầu tư cho nhau, giá trị thương mại và đầu tư, nhất là của Trung Quốc đã tăng rất mạnh, với cán cân thặng dư thương mại, đầu tư nghiêng mạnh về

phía Trung Quốc và nước này đã trở thành đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam, với quan hệ đầu tư cũng ngày càng được mở rộng.

Trong quá trình thúc đẩy hội nhập và hợp tác, vị thế và trình độ phát triển và cơ cấu xuất nhập, khẩu của Việt Nam đã cải thiện nhanh, hiện về cấu trúc đã thể hiện một nước chủ yếu xuất khẩu hàng công nghiệp chế biến, công nghệ cao và giảm rõ nét xuất khẩu hàng thô, hàng sơ chế và thâm dụng lao động giá rẻ. Tuy nhiên, kết quả này nhờ nhiều vào các doanh nghiệp FDI, mạng lưới cung ứng của chúng cũng như lợi thế so sánh về nhân công và vị trí địa kinh tế thuận lợi của Việt Nam.

Sự trỗi dậy của chủ nghĩa bảo hộ thương mại, nhất là Chiến tranh thương mại có tác động sâu sắc đến kinh tế nói chung và xuất nhập khẩu, đầu tư của cả hai nước nói riêng. Chiến tranh thương mại trong ngắn hạn có thể mang lại cho Việt Nam một số lợi thế, cơ hội nhất định trong khi có thể đối mặt với nguy cơ trừng phạt của Mỹ đối với thương mại/doanh nghiệp Việt Nam và hàng Trung Quốc nhập khẩu đôi xuất xứ để xuất sang Mỹ. Điều này đòi hỏi hai bên phải lưu tâm để có đối sách phù hợp. Hai bên cũng phải tăng cường hợp tác hiệu quả hơn nữa để giúp nông sản Việt Nam có chất lượng được thâm nhập hữu hiệu sang thị trường Trung Quốc trong bối cảnh Chiến tranh thương mại đang diễn biến phức tạp. Để

nâng cao chất lượng hoạt động, đầu tư và uy tín của một số doanh FDI Trung Quốc ở Việt Nam trong bối cảnh chế tài siết chặt và mức độ cạnh tranh ngày càng gia tăng, việc đổi mới quản trị, công nghệ và nâng cao năng lực của một số doanh nghiệp là hết sức cần thiết.

#### CHÚ THÍCH.

(1) Ngày 26-6-2019, Tổng thống Mỹ Donald Trump đã đưa ra bình luận gay gắt nhất về Việt Nam từ trước đến nay, cáo buộc Việt Nam lợi dụng Mỹ còn tệ hơn cả Trung Quốc, mặc dù với quy mô nhỏ hơn nhiều; là kẻ lạm dụng tồi tệ nhất trong số tất cả; đề cập tới việc thuế quan của ông áp lên hàng hóa Trung Quốc đang khiến các công xưởng sản xuất dời đi để tránh thuế.

#### TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bộ Công Thương (2018), *Báo cáo xuất, nhập khẩu Việt Nam 2017*. Hà Nội.
2. Bộ Công Thương. 2019, *Báo cáo xuất, nhập khẩu Việt Nam 2018*. Hà Nội.
3. NCIF-MPI, 2019, *Tổng quan một số nét nổi bật về kinh tế Việt Nam 6 tháng đầu năm và dự báo thời gian tới*. Hà Nội.
4. Người đồng hành, 2019, *Cuộc 'đai đi cư' của các doanh nghiệp khỏi Trung Quốc*, dịch từ NikkeiAsian Review, ngày 20-07, 3-56:34 CH.
5. VEPR, 2019, *Một số nhận định về vốn đầu tư của Trung Quốc tại Việt Nam*, Tài liệu hội thảo. Hà Nội, tháng 7.